

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                  | <b>Trang</b>   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                                                                          | <b>2 - 5</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                              | <b>6 - 7</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>                                                | <b>8 - 11</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> | <b>12</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>           | <b>13 - 14</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>    | <b>15 - 40</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>                                                                                                | <b>41</b>      |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### **Khái quát về Tập đoàn**

#### ***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần Âu Lạc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 289.221.600.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 253.779.820.000 VND

#### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84 - 8) 38 200441- 38 200443  
Fax : (84 - 8) 38 200440  
Website : [www.aulac.com.vn](http://www.aulac.com.vn)  
Mã số thuế : 0302704796

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Âu Lạc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, chi tiết: kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển, hoạt động của đại lý là thủ tục hải quan, hoạt động liên quan khác như lấy mẫu và cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Bán buôn đồ dùng gia đình, chi tiết: mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết mua bán nông lâm sản, lương thực;
- Bán mô tô, xe máy: chi tiết mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu, chi tiết: mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: mua bán thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: mua bán máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: mua bán xe ô tô và phụ tùng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: mua bán xăng dầu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chi tiết: vận tải nhiên liệu ven biển và viễn dương.





## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Các công ty con

| Tên công ty                                  | Địa chỉ trụ sở chính                                               | Giấy phép thành lập                                                                                                       | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic              | 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312218153 ngày 03 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp  | 70,00%       |
| Công ty cổ phần năng lượng KT                | 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312479807 ngày 04 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp | 77,50%       |
| Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh (*) | 10 – 12 đường số 2, phường 4, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302309796 ngày 10 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp | 51,15%       |

(\*) Công ty cổ phần Âu Lạc đầu tư gián tiếp thông qua Công ty cổ phần năng lượng KT. Công ty cổ phần năng lượng KT sở hữu 66,00% cổ phần của Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 41).

Trong năm, theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Công ty cổ phần Âu Lạc đã phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

|                                                                                 |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| – Thưởng đợt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | 1.740.000.000 VND  |
| – Chia cổ tức bổ sung năm 2012 (900 VND/cổ phiếu)                               | 22.808.683.800 VND |

Và phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

|                                                      |                   |
|------------------------------------------------------|-------------------|
| – Trích quỹ đầu tư phát triển                        | 2.693.283.644 VND |
| – Trích quỹ dự phòng tài chính                       | 1.615.970.187 VND |
| – Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 3.770.597.102 VND |
| – Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 1.620.000.000 VND |

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Âu Lạc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm       |
|-----------------------|--------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Thảo  | Chủ tịch     | 30 tháng 6 năm 2010 |
| Ông Trần Lê Khánh     | Phó Chủ tịch | 30 tháng 6 năm 2010 |
| Bà Nguyễn Thị Hằng    | Thành viên   | 30 tháng 6 năm 2010 |
| Ông Nguyễn Thanh Hồng | Thành viên   | 30 tháng 6 năm 2010 |
| Ông Nguyễn Việt Hải   | Thành viên   | 30 tháng 6 năm 2010 |



**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       |
|----------------------|------------|---------------------|
| Ông Huỳnh Đức Trường | Trưởng ban | 22 tháng 4 năm 2011 |
| Bà Phạm Thị Hồng     | Thành viên | 22 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Phan Vĩnh Kha    | Thành viên | 22 tháng 4 năm 2011 |
| Bà Bùi Thị Thu Thảo  | Thành viên | 22 tháng 4 năm 2011 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên        | Chức vụ                     | Ngày bổ nhiệm       |
|------------------|-----------------------------|---------------------|
| Ông Mai Văn Tùng | Tổng Giám đốc               | 08 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Lê Hồng Sơn  | Phó Tổng Giám đốc hàng hải  | 09 tháng 6 năm 2012 |
| Ông Hồ Văn Thiện | Phó Tổng Giám đốc tài chính | 08 tháng 2 năm 2013 |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Mai Văn Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2014







Số: 0319/2014/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Âu Lạc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Âu Lạc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

13  
C  
C  
L  
T





**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                                      | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|-----------------------------------------------------|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b>   |                    | <b>224.958.771.497</b> | <b>122.793.450.810</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b>   | <b>V.1</b>         | <b>105.675.590.619</b> | <b>42.225.452.748</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111          |                    | 27.277.844.219         | 16.125.452.748         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112          |                    | 78.397.746.400         | 26.100.000.000         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b>   |                    | <b>6.400.000.000</b>   | <b>1.642.471.200</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121          | V.2                | 6.400.000.000          | 1.642.471.200          |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn    | 129          |                    | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu</b>                      | <b>130</b>   |                    | <b>37.563.625.160</b>  | <b>37.370.514.567</b>  |
| 1. Phải thu của khách hàng                          | 131          | V.3                | 33.809.283.055         | 36.067.005.763         |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132          |                    | 428.649.433            | 276.477.334            |
| 3. Phải thu nội bộ                                  | 133          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134          |                    | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 138          | V.4                | 7.114.705.163          | 4.092.364.805          |
| 6. Dự phòng giảm giá khoản phải thu khó đòi         | 139          | V.5                | (3.789.012.491)        | (3.065.333.335)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b>   |                    | <b>62.375.706.839</b>  | <b>39.194.023.010</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141          | V.6                | 63.871.206.839         | 39.194.023.010         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149          | V.7                | (1.495.500.000)        | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b>   |                    | <b>12.943.848.879</b>  | <b>2.360.989.285</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151          | V.8                | 4.031.363.091          | 2.230.882.285          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152          |                    | 7.057.210.703          | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154          |                    | 765.001                | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157          |                    | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158          | V.9                | 1.854.510.084          | 130.107.000            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
|                                                 |            |             |                          |                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>786.758.296.867</b>   | <b>787.060.605.856</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                        | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc       | 212        |             | -                        | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                      | 213        |             | -                        | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                        | 218        |             | -                        | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>697.008.611.827</b>   | <b>765.097.586.342</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 697.008.611.827          | 765.097.586.342        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 1.086.066.466.218        | 1.080.367.548.761      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (389.057.854.391)        | (315.269.962.419)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                        | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                        | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                        | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 119.593.169              | 83.435.669             |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (119.593.169)            | (83.435.669)           |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 230        |             | -                        | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>240</b> |             | -                        | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 241        |             | -                        | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 242        |             | -                        | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>   | <b>250</b> |             | <b>5.876.179.955</b>     | <b>7.724.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | 500.000.000            |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | 252        |             | -                        | -                      |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                          | 258        | V.11        | 10.874.000.000           | 10.874.000.000         |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259        | V.12        | (4.997.820.045)          | (3.650.000.000)        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>83.873.505.085</b>    | <b>14.239.019.514</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.13        | 44.973.527.500           | 9.641.019.514          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                        | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                         | 268        | V.14        | 38.899.977.585           | 4.598.000.000          |
| <b>B - LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>                   | <b>269</b> | <b>V.15</b> | <b>13.043.654.139</b>    | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.024.760.722.503</b> | <b>909.854.056.666</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                              |                                                  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                 |                                                  | <b>300</b> |             | <b>408.969.332.526</b>   | <b>328.246.952.388</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  |                                                  | <b>310</b> |             | <b>172.442.790.549</b>   | <b>95.760.416.361</b>  |
| 1.                                     | Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.16        | 80.680.982.042           | 49.279.874.473         |
| 2.                                     | Phải trả người bán                               | 312        | V.17        | 30.623.010.227           | 33.963.784.457         |
| 3.                                     | Người mua trả tiền trước                         | 313        |             | -                        | -                      |
| 4.                                     | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.18        | 5.542.649.467            | 5.783.760.455          |
| 5.                                     | Phải trả người lao động                          | 315        | V.19        | 3.431.873.377            | 140.000.000            |
| 6.                                     | Chi phí phải trả                                 | 316        |             | 171.090.909              | 638.847.091            |
| 7.                                     | Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                        | -                      |
| 8.                                     | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                        | -                      |
| 9.                                     | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.20        | 48.826.540.608           | 2.911.603.068          |
| 10.                                    | Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 320        |             | -                        | -                      |
| 11.                                    | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                        | 323        | V.21        | 3.166.643.919            | 3.042.546.817          |
| 12.                                    | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 327        |             | -                        | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                  |                                                  | <b>320</b> |             | <b>236.526.541.977</b>   | <b>232.486.536.027</b> |
| 1.                                     | Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                        | -                      |
| 2.                                     | Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                        | -                      |
| 3.                                     | Phải trả dài hạn khác                            | 333        |             | -                        | -                      |
| 4.                                     | Vay và nợ dài hạn                                | 334        | V.22        | 236.526.541.977          | 232.486.536.027        |
| 5.                                     | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                        | -                      |
| 6.                                     | Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | -                        | -                      |
| 7.                                     | Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                        | -                      |
| 8.                                     | Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | -                        | -                      |
| 9.                                     | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                        | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>        |                                                  | <b>400</b> |             | <b>601.534.526.413</b>   | <b>581.607.104.278</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               |                                                  | <b>410</b> |             | <b>601.534.526.413</b>   | <b>581.607.104.278</b> |
| 1.                                     | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        | V.23        | 253.779.820.000          | 253.779.820.000        |
| 2.                                     | Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        | V.23        | 254.725.820.000          | 254.725.820.000        |
| 3.                                     | Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                        | -                      |
| 4.                                     | Cổ phiếu quỹ                                     | 414        | V.23        | (3.568.600.000)          | -                      |
| 5.                                     | Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                        | -                      |
| 6.                                     | Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        |             | -                        | -                      |
| 7.                                     | Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        | V.23        | 18.108.306.035           | 15.415.022.391         |
| 8.                                     | Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        | V.23        | 24.556.942.044           | 22.940.971.857         |
| 9.                                     | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                        | -                      |
| 10.                                    | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                | 420        | V.23        | 53.932.238.334           | 34.745.470.030         |
| 11.                                    | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                 | 421        |             | -                        | -                      |
| 12.                                    | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                  | 422        |             | -                        | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>  |                                                  | <b>430</b> |             | -                        | -                      |
| 1.                                     | Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                        | -                      |
| 2.                                     | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                        | -                      |
| <b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b> |                                                  | <b>439</b> | <b>V.24</b> | <b>14.256.863.564</b>    | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             |                                                  | <b>440</b> |             | <b>1.024.760.722.503</b> | <b>909.854.056.666</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết<br>minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|----------------|-------------|------------|
|                                                |                |             |            |
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |                | -           | -          |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |                | -           | -          |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |                | -           | -          |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |                | -           | -          |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)          |                | 422.376,29  | 450.649,63 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |                | -           | -          |



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|                                                    |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 640.023.186.975 | 533.107.483.918 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 03    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 640.023.186.975 | 533.107.483.918 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 502.159.713.584 | 422.647.116.379 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 137.863.473.391 | 110.460.367.539 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 7.446.360.873   | 1.958.400.790   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 25.295.013.722  | 10.850.225.028  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 19.295.262.828  | 9.443.850.407   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VI.5        | 19.466.889.286  | 8.924.279.155   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.6        | 30.747.824.464  | 18.216.310.146  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 69.800.106.792  | 74.427.954.000  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 3.695.680.211   | 29.485.269.351  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 1.229.615.467   | 20.598.541.969  |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.466.064.744   | 8.886.727.382   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 72.266.171.536  | 83.314.681.382  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.18        | 18.560.365.161  | 15.459.610.620  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | 3.030.657.878   |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 53.705.806.375  | 64.824.412.884  |
| 17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số       | 61    |             | 270.503.338     | -               |
| 17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62    |             | 53.435.303.037  | 64.824.412.884  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | 2.117           | 2.554           |



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh    | Năm nay                 | Năm trước                |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |                |                         |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01        |                | 72.266.171.536          | 83.314.681.382           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |           |                |                         |                          |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02        | V.10, 15       | 72.121.234.176          | 58.506.500.580           |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03        | V.5, V.7, V.12 | 3.566.999.201           | 250.000.000              |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        | VI.4           | 2.331.356.501           | (177.310.980)            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05        |                | (4.236.179.531)         | (10.032.169.600)         |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06        | VI.4           | 19.295.262.828          | 9.443.850.407            |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                            |           |                |                         |                          |
| trước thay đổi vốn lưu động                                                     | 08        |                | 165.344.844.711         | 141.305.551.789          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09        |                | (7.386.969.416)         | 12.735.233.257           |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10        |                | (8.171.128.205)         | (2.153.670.073)          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11        |                | (8.370.679.584)         | 2.016.914.917            |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12        |                | (19.390.870.788)        | 13.549.972.801           |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13        | V.20, VI.4     | (18.281.373.940)        | (9.443.850.407)          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14        | V.18           | (18.443.425.491)        | (14.619.186.596)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15        |                | 9.544.597.060           | -                        |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 16        |                | (6.226.630.834)         | (6.106.271.200)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |                | <b>88.618.363.513</b>   | <b>137.284.694.488</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |                |                         |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.10           | (2.663.643.077)         | (244.320.242.191)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7           | 309.090.909             | 24.872.170.299           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        | V.2            | (6.400.000.000)         | -                        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |                | -                       | -                        |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |                | (27.276.808.000)        | (500.000.000)            |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |                | 422.583.779             | -                        |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | VI.3           | 4.004.504.843           | 1.187.686.735            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |                | <b>(31.604.271.546)</b> | <b>(218.760.385.157)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                        |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                     |
| 2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số                                                        | 32        |             | 600.000.000            |                       |
| 3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 33        | V.23        | (3.568.600.000)        | -                     |
| 4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 34        | V.16,V.22   | 165.607.012.525        | 290.779.778.735       |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 35        | V.16,V.22   | (132.531.512.548)      | (136.802.631.403)     |
| 6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 36        |             | -                      | -                     |
| 7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 37        | V.23        | (23.690.111.114)       | (64.320.754.587)      |
|                                                                                            |           |             | -                      |                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>6.416.788.863</b>   | <b>89.656.392.745</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>63.430.880.830</b>  | <b>8.180.702.076</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>42.225.452.748</b>  | <b>34.300.196.757</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 19.257.041             | (255.446.085)         |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>105.675.590.619</b> | <b>42.225.452.748</b> |



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Âu Lạc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Mua bán khí đốt và bếp gas.
- Tổng số các công ty con** : 03  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03

### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i>                           | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                        | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic              | 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 70,00%               | 70,00%                        |
| Công ty cổ phần năng lượng KT                | 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  | 77,50%               | 77,50%                        |
| Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh (*) | 10 – 12 đường số 2, phường 4, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam    | 51,15%               | 66,00%                        |

(\*) Công ty cổ phần Âu Lạc đầu tư gián tiếp thông qua Công ty cổ phần năng lượng KT. Công ty cổ phần năng lượng KT sở hữu 66,00% cổ phần của Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh.

### 6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 970 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 243 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

#### 4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của các công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25            |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 07       |

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

##### *Tập đoàn là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

0449  
ÔNG  
NHẬN  
TOÁN V  
A &  
4-T.P



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **13. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Chi phí sửa chữa tàu***

Chi phí phát sinh cho việc trung tu và đại tu tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 30 tháng.

##### ***Bình gas, van bình gas và chi phí sửa chữa bình gas***

Bình gas, van bình gas và chi phí sơn, sửa, tái kiểm định bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 16. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Âu Lạc phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 18. Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Âu Lạc hàng năm.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.





## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **20. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD  
16.905 VND/SGD  
31/12/2013 : 21.080 VND/USD  
16.556 VND/SGD

#### **21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 22. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **24. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **25. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Trái phiếu chuyển đổi do Tập đoàn phát hành được ghi nhận theo giá gốc nợ phải trả.

Lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận chi phí tài chính tại thời điểm phát hành.

#### **26. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **27. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                       | 937.776.610            | 1.176.889.932         |
| Tiền gửi ngân hàng             | 26.340.067.609         | 14.948.562.816        |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 78.397.746.400         | 26.100.000.000        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>105.675.590.619</b> | <b>42.225.452.748</b> |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

|                                         | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn <sup>(i)</sup> | -                    | 1.642.471.200        |
| Đầu tư ngắn hạn khác <sup>(ii)</sup>    | 6.400.000.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>                             | <b>6.400.000.000</b> | <b>1.642.471.200</b> |

(i) Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội với số lượng là 136.300 cổ phiếu giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

(ii) Cho Ông Trần Minh Loan vay theo Hợp đồng vay 66/13/ASC/HDLT ngày 10 tháng 10 năm 2013 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay được đảm bảo bằng 297.000 cổ phiếu Công ty cổ phần năng lượng KT của Ông Lê Trung Kiên và Ông Lê Hoàng Anh Phương.

### 3. Phải thu khách hàng

|                                              | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Âu Lạc                   | 32.899.985.959        | 36.067.005.763        |
| Tại Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic          | 382.488.041           | -                     |
| Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh | 526.809.055           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>33.809.283.055</b> | <b>36.067.005.763</b> |

### 4. Các khoản phải thu khác

|                                                                                      | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu Công ty cổ phần Khang Phong – Tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận | 3.065.333.335        | 3.065.333.335        |
| Phải thu Công ty cổ phần xăng dầu Nam Việt - tiền chi hộ                             | 1.496.554.357        | -                    |
| Phải thu tiền bồi thường hao hụt                                                     | -                    | 218.947.643          |
| Phải thu phí đại lý từ chủ hàng                                                      | 2.144.624.651        | 550.310.827          |
| Các khoản phải thu khác                                                              | 408.192.820          | 257.773.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                          | <b>7.114.705.163</b> | <b>4.092.364.805</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 3.065.333.335        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 723.679.156          |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>3.789.012.491</b> |

#### 6. Hàng tồn kho

|                                         | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ                        | 23.919.892.724        | 20.813.951.032        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 19.550.903.476        | 18.380.071.978        |
| Hàng hóa                                | 20.121.530.089        | -                     |
| Hàng gửi đi bán                         | 278.880.550           | -                     |
| <b>Cộng</b>                             | <b>63.871.206.839</b> | <b>39.194.023.010</b> |

(\*) Toàn bộ nhiên liệu nhập vào cho các tàu được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi kết thúc chuyển và ghi nhận doanh thu, Công ty cổ phần Âu Lạc sẽ tiến hành kiểm tra số lượng sử dụng thực tế để kết chuyển vào giá vốn. Do đó đến thời điểm cuối năm, vẫn còn một phần nhiên liệu tồn trên tàu, chưa sử dụng.

#### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho công cụ, dụng cụ đã hư hỏng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | -                    |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.495.500.000        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.495.500.000</b> |

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                       | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm                      | 1.813.234.560        | 1.625.734.464        |
| Chi phí quảng cáo                     | 1.351.717.003        | -                    |
| Công cụ, dụng cụ, đồng phục nhân viên | 486.400.079          | 605.147.821          |
| Tiền thuê nhà                         | 306.500.000          | -                    |
| Chi phí khác                          | 73.511.449           | -                    |
| <b>Cộng</b>                           | <b>4.031.363.091</b> | <b>2.230.882.285</b> |

#### 9. Tài sản ngắn hạn khác

|                                            | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>  |
|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Tạm ứng                                    | 439.892.022          | 130.107.000        |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.414.618.062        | -                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.854.510.084</b> | <b>130.107.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                                | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                     |
|------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                              |                           |                                    |                              |                          |
| Số đầu năm                                     | 12.399.011.818            | 1.066.620.590.197                  | 1.347.946.746                | 1.080.367.548.761        |
| Mua sắm mới                                    | -                         | 2.611.824.895                      | 51.818.182                   | 2.663.643.077            |
| Hợp nhất công ty con tại<br>ngày mua           | -                         | 3.418.318.420                      | 613.584.146                  | 4.031.902.566            |
| Thanh lý, nhượng bán                           | -                         | (562.449.545)                      | -                            | (562.449.545)            |
| Kết chuyển qua công cụ,<br>dụng cụ phân bổ (*) | -                         | -                                  | (434.178.641)                | (434.178.641)            |
| <b>Số cuối năm</b>                             | <b>12.399.011.818</b>     | <b>1.072.088.283.967</b>           | <b>1.579.170.433</b>         | <b>1.086.066.466.218</b> |
| <i>Trong đó:</i>                               |                           |                                    |                              |                          |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng       | -                         | -                                  | 811.586.097                  | 811.586.097              |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                         |                           |                                    |                              |                          |
| Số đầu năm                                     | 2.810.440.000             | 311.231.356.316                    | 1.228.166.103                | 315.269.962.419          |
| Hợp nhất công ty con tại<br>ngày mua           | -                         | 2.281.941.967                      | 520.925.389                  | 2.802.867.356            |
| Khấu hao trong năm                             | 495.960.000               | 71.317.423.248                     | 86.772.044                   | 71.900.155.292           |
| Thanh lý, nhượng bán                           | -                         | (562.449.545)                      | -                            | (562.449.545)            |
| Kết chuyển qua công cụ,<br>dụng cụ phân bổ (*) | -                         | -                                  | (352.681.131)                | (352.681.131)            |
| <b>Số cuối năm</b>                             | <b>3.306.400.000</b>      | <b>384.268.271.986</b>             | <b>1.483.182.405</b>         | <b>389.057.854.391</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                         |                           |                                    |                              |                          |
| Số đầu năm                                     | 9.588.571.818             | 755.389.233.881                    | 119.780.643                  | 765.097.586.342          |
| <b>Số cuối năm</b>                             | <b>9.092.611.818</b>      | <b>687.820.011.981</b>             | <b>95.988.028</b>            | <b>697.008.611.827</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                               |                           |                                    |                              |                          |
| Tạm thời chưa sử dụng                          | -                         | -                                  | -                            | -                        |
| Đang chờ thanh lý                              | -                         | -                                  | -                            | -                        |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 740.915.289.095 VND và 555.844.082.914 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

- (\*) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: đối với các tài sản cố định Tập đoàn đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định từ 30.000.000 VND trở lên thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, thời gian phân bổ không quá 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này (ngày 10 tháng 6 năm 2013).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Đầu tư dài hạn khác

|                                            | Số cuối năm |                       | Số đầu năm |                       |
|--------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                                            | Số lượng    | Giá trị               | Số lượng   | Giá trị               |
| Công ty chứng khoán Phú Hưng               | 500.000     | 5.000.000.000         | 500.000    | 5.000.000.000         |
| Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Petec      | 30.000      | 309.000.000           | 30.000     | 309.000.000           |
| Công ty cổ phần cà phê Petec               | 73.000      | 745.000.000           | 73.000     | 745.000.000           |
| Công ty cổ phần kho vận Petec              | 270.000     | 2.700.000.000         | 270.000    | 2.700.000.000         |
| Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư | 100.000     | 2.120.000.000         | 100.000    | 2.120.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                |             | <b>10.874.000.000</b> |            | <b>10.874.000.000</b> |

#### 12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 3.650.000.000        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.347.820.045        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>4.997.820.045</b> |

#### 13. Chi phí trả trước dài hạn

|                              | Số đầu năm           | Chi phí phát sinh trong năm | Hợp nhất công ty con tại ngày mua | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm           |
|------------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Chi phí trung tu, đại tu tàu | 9.641.019.514        | 40.698.904.619              |                                   | (20.331.084.117)              | 30.008.840.016        |
| Bình gas và van bình gas     | -                    | -                           | 11.934.495.096                    | (483.584.613)                 | 11.450.910.483        |
| Chi phí sửa chữa             | -                    | -                           | 3.645.456.535                     | (148.271.200)                 | 3.497.185.335         |
| Công cụ, dụng cụ             | -                    | -                           | 610.393.230                       | (593.801.564)                 | 16.591.666            |
| <b>Cộng</b>                  | <b>9.641.019.514</b> | <b>40.698.904.619</b>       | <b>16.190.344.861</b>             | <b>(21.556.741.494)</b>       | <b>44.973.527.500</b> |

#### 14. Tài sản dài hạn khác

|                                                      | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Ký quỹ ký cược dài hạn - Công ty vận tải biển Anh Vũ | 4.560.000.000         | 4.560.000.000        |
| Ký quỹ bình gas                                      | 34.299.977.585        |                      |
| Ký quỹ ký cược dài hạn - các công ty khác            | 40.000.000            | 38.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>38.899.977.585</b> | <b>4.598.000.000</b> |

#### 15. Lợi thế thương mại

Công ty cổ phần Âu Lạc cho rằng giá trị sổ sách của các công ty con tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

|                                     |                       |
|-------------------------------------|-----------------------|
| Giá trị lợi thế thương mại          | 13.264.733.023        |
| Số đã phân bổ                       |                       |
| - Số phân bổ đầu năm                | -                     |
| - Số phân bổ trong năm              | (221.078.884)         |
| <b>Số còn phải phân bổ cuối năm</b> | <b>13.043.315.012</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Vay và nợ ngắn hạn

|                                                                                            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                                                     | 40.774.938.600        | 1.613.162.500         |
| - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 <sup>(i)</sup> | 40.774.938.600        | -                     |
| - Ngân hàng VID Public Bank                                                                | -                     | 1.613.162.500         |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác <sup>(ii)</sup>                                                  | 4.345.000.000         | -                     |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)                                          | 35.561.043.442        | 47.666.711.973        |
| <b>Cộng</b>                                                                                | <b>80.680.982.042</b> | <b>49.279.874.473</b> |

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 để bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201300338 ngày 24 tháng 6 năm 2013. Hạn mức vay là 2.000.000 USD trong thời gian 12 tháng với lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa cho từng lần nhận nợ là 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tòa nhà văn phòng số 92 bis, Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

<sup>(ii)</sup> Trong đó, vay Bà Phan Thị Nhi Mỹ theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2013 số tiền 4.330.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 07 tháng.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

|                           | Số đầu năm            | Số tiền vay phát sinh trong năm | Hợp nhất công ty con tại ngày mua | Số kết chuyển         | Số tiền vay đã trả trong năm | Chênh lệch tỷ giá    | Số cuối năm           |
|---------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng    | 1.613.162.500         | 88.277.012.525                  | -                                 | -                     | (48.963.088.575)             | (152.147.850)        | 40.774.938.600        |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác | -                     | 4.330.000.000                   | 15.000.000                        | -                     | -                            | -                    | 4.345.000.000         |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | 47.666.711.973        | -                               | -                                 | 35.561.043.442        | (47.666.711.973)             | -                    | 35.561.043.442        |
| <b>Cộng</b>               | <b>49.279.874.473</b> | <b>92.607.012.525</b>           | <b>15.000.000</b>                 | <b>35.561.043.442</b> | <b>(96.629.800.548)</b>      | <b>(152.147.850)</b> | <b>80.680.982.042</b> |

#### 17. Phải trả người bán

|                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Âu Lạc                   | 25.492.951.525        | 33.963.784.457        |
| Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh | 5.130.058.702         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>30.623.010.227</b> | <b>33.963.784.457</b> |

#### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm     | Số cuối năm          |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 476.740.852          | 281.512.568           | (533.299.778)           | 224.953.642          |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | 24.204.757.412        | (24.204.757.412)        | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.845.501.588        | 18.560.365.161        | (18.443.425.491)        | 4.962.441.258        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 461.518.015          | 2.926.472.124         | (3.032.735.572)         | 355.254.567          |
| Các loại thuế khác         | -                    | 503.000.000           | (503.000.000)           | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>5.783.760.455</b> | <b>46.476.107.265</b> | <b>(46.717.218.253)</b> | <b>5.542.649.467</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                         |   |      |
|-----------------------------------------|---|------|
| - Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu           | : | 0 %  |
| - Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước | : | 10 % |

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

|                                              |                       |
|----------------------------------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Âu Lạc                   | 18.216.626.388        |
| Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh | 343.738.773           |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>18.560.365.161</b> |

#### **Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### **19. Phải trả người lao động**

Quý tiền lương hoàn thành kế hoạch còn phải trả cho công nhân viên tại Công ty cổ phần Âu Lạc.

#### **20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                                                                  | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn         | 84.195.415            | 97.841.563           |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                                                       | 1.137.416.936         | 2.018.844.250        |
| Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn - lãi trái phiếu còn phải trả | 1.013.888.888         | -                    |
| Phí hoa hồng phải trả cho các đối tác                                            | 1.759.633.185         | 503.426.803          |
| Bà Nguyễn Thị Chi – tiền mua cổ phiếu chưa thanh toán                            | 3.100.000.000         | -                    |
| Ký cược vỏ bình gas                                                              | 41.427.037.752        | -                    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                                                | 304.368.432           | 291.490.452          |
| <b>Cộng</b>                                                                      | <b>48.826.540.608</b> | <b>2.911.603.068</b> |

#### **21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                |                      |
|--------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                     | 3.042.546.817        |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 3.770.597.102        |
| Chi quỹ trong năm              | (3.646.500.000)      |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>3.166.643.919</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 22. Vay và nợ dài hạn

|                                                                                                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng                                                                                   | 163.526.541.977        | 232.486.536.027        |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup> | 21.282.368.000         | 56.916.536.000         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn <sup>(ii)</sup>                           | 142.244.173.977        | 175.570.000.027        |
| Trái phiếu chuyển đổi <sup>(iii)</sup>                                                                  | 73.000.000.000         | -                      |
| <b>Cộng</b>                                                                                             | <b>236.526.541.977</b> | <b>232.486.536.027</b> |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất ngân hàng công bố điều chỉnh 03 tháng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Jupiter (xem thuyết minh V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của 5 tổ chức tín dụng được chọn + 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Venus và Âu Lạc Diamond (xem thuyết minh V.9).

(iii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND, lãi suất 10%/năm được phát hành cho Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn để phát triển đội tàu và đầu tư cho các hoạt động kinh doanh khác. Trái phiếu tùy chọn chuyển đổi sang cổ phiếu vào 03 đợt 12 tháng, 18 tháng và 24 tháng với tỷ lệ chuyển đổi tối đa lần lượt là 80%, 10% và 10% với mức giá chuyển đổi 10.000 VND một cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi 01 trái phiếu:100 cổ phiếu. Tại thời điểm chuyển đổi hoặc đáo hạn nếu chủ sở hữu không chuyển đổi, hoặc chuyển đổi một phần thì thanh toán phần còn lại cộng lãi.

#### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

|                       | Tổng nợ                | Từ 01 năm trở xuống   | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 199.087.585.419        | 35.561.043.442        | 163.526.541.977        | -           |
| Trái phiếu chuyển đổi | 73.000.000.000         | -                     | 73.000.000.000         | -           |
| <b>Cộng</b>           | <b>272.087.585.419</b> | <b>35.561.043.442</b> | <b>236.526.541.977</b> | <b>-</b>    |

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

|                       | Số đầu năm             | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số kết chuyển           | Chênh lệch tỷ giá    | Số cuối năm            |
|-----------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 232.486.536.027        | -                               | (35.901.712.000)             | (35.561.043.442)        | 2.502.761.392        | 163.526.541.977        |
| Trái phiếu chuyển đổi | -                      | 73.000.000.000                  | -                            | -                       | -                    | 73.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>           | <b>232.486.536.027</b> | <b>73.000.000.000</b>           | <b>(35.901.712.000)</b>      | <b>(35.561.043.442)</b> | <b>2.502.761.392</b> | <b>236.526.541.977</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 23. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

|                                                     |                 |
|-----------------------------------------------------|-----------------|
| Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 289.221.600.000 |
| Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu                | 253.779.820.000 |

##### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả như sau:

|                          |                       |
|--------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức các năm trước | 23.690.111.114        |
| Tạm ứng cổ tức năm nay   | -                     |
| <b>Cộng</b>              | <b>23.690.111.114</b> |

##### *Cổ phiếu*

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 28.922.160         | 28.922.160        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 25.377.982         | 25.377.982        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | 25.377.982         | 25.377.982        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | 364.115            | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | 364.115            | -                 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 25.013.867         | 25.377.982        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | 25.013.867         | 25.377.982        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

|                                                             |                       |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                                                  | -                     |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số hợp nhất tại ngày mua          | 13.986.360.226        |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số phát sinh trong năm | 270.503.338           |
| <b>Số cuối năm</b>                                          | <b>14.256.863.564</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hàng hóa             | 87.316.366.491         | -                      |
| Doanh thu dịch vụ vận tải biển | 552.346.820.484        | 526.489.783.643        |
| Doanh thu cho thuê tàu         | -                      | 6.617.700.275          |
| Doanh thu cho thuê văn phòng   | 360.000.000            | -                      |
| <b>Cộng</b>                    | <b>640.023.186.975</b> | <b>533.107.483.918</b> |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa               | 74.872.730.937         | -                      |
| Giá vốn dịch vụ vận tải biển   | 425.431.482.647        | 416.427.036.807        |
| Giá vốn cho thuê tàu           | -                      | 6.220.079.572          |
| Giá vốn cho thuê văn phòng     | 360.000.000            | -                      |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.495.500.000          | -                      |
| <b>Cộng</b>                    | <b>502.159.713.584</b> | <b>422.647.116.379</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                        | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                 | 3.653.504.843        | 1.078.186.735        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn              | 197.943.695          | 130.428.323          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia            | 351.000.000          | 109.500.000          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện     | 3.005.443.535        | 462.974.752          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện   | -                    | 177.310.980          |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn | 238.468.800          | -                    |
| <b>Cộng</b>                            | <b>7.446.360.873</b> | <b>1.958.400.790</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                                                      | Năm nay               | Năm trước             |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                                      | 19.295.262.828        | 9.443.850.407         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                  | 2.331.356.501         | -                     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                    | 2.243.158.127         | 1.156.374.621         |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 1.347.820.045         | 250.000.000           |
| Chi phí tài chính khác                               | 77.416.221            | -                     |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>25.295.013.722</b> | <b>10.850.225.028</b> |

### 5. Chi phí bán hàng

|                                  | Năm nay               | Năm trước            |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 4.728.489.386         | -                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 433.153.822           | -                    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 82.468.949            | -                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 14.222.777.129        | 8.924.279.155        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>19.466.889.286</b> | <b>8.924.279.155</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 17.919.163.057        | 10.319.145.976        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.145.604.095         | 698.839.197           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.844.630.793         | 3.991.064.112         |
| Chi phí khác                     | 5.838.426.519         | 3.207.260.861         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>30.747.824.464</b> | <b>18.216.310.146</b> |

#### 7. Thu nhập khác

|                                               | Năm nay              | Năm trước             |
|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 309.090.909          | 25.636.363.636        |
| Thu nhập khác từ thanh lý tàu                 | -                    | 3.422.002.543         |
| Thu tiền phạt lưu tàu                         | 2.705.603.939        | 183.330.000           |
| Các khoản khác                                | 680.985.363          | 243.573.172           |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>3.695.680.211</b> | <b>29.485.269.351</b> |

#### 8. Chi phí khác

|                                                      | Năm nay              | Năm trước             |
|------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | -                    | 4.189.723.382         |
| Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định         | -                    | 12.602.157.389        |
| Chi phí khác từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | -                    | 2.928.592.806         |
| Phí phạt lưu tàu                                     | 270.660.000          | 198.282.828           |
| Chi phí khác                                         | 958.955.467          | 679.785.564           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>1.229.615.467</b> | <b>20.598.541.969</b> |

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                                                                       | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ                                           | 53.435.303.037 | 64.824.412.884 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -              | -              |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                               | 53.435.303.037 | 64.824.412.884 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)                                                               | 25.239.923     | 25.377.982     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                       | <b>2.117</b>   | <b>2.554</b>   |

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

|                                                             | Năm nay           | Năm trước         |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 25.377.982        | 25.377.982        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại                    | (138.059)         | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>25.239.923</b> | <b>25.377.982</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 192.492.374.518        | 205.387.441.974        |
| Chi phí nhân công                | 50.843.313.777         | 37.950.327.921         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 72.121.234.176         | 58.506.500.580         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 154.710.847.407        | 144.736.174.344        |
| Chi phí khác                     | 5.838.426.519          | 3.207.260.861          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>476.006.196.397</b> | <b>449.787.705.680</b> |

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch với các bên liên quan

###### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Âu Lạc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|             | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương  | 3.887.542.752        | 4.138.061.818        |
| Tiền thưởng | 812.000.000          | 1.216.000.000        |
| <b>Cộng</b> | <b>4.699.542.752</b> | <b>5.354.061.818</b> |

###### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty cổ phần Âu Lạc gồm:

| Bên liên quan                       | Mối quan hệ      |
|-------------------------------------|------------------|
| Công ty cổ phần phát triển Phú Minh | Công ty liên kết |

Trong năm, Công ty cổ phần Âu Lạc không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

##### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

###### *Lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu
- Lĩnh vực : Mua bán khí đốt và bếp gas



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|                                                                                     | Dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu | Mua bán khí đốt và bếp gas | Dịch vụ cho thuê     | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>                                                                      |                                        |                            |                      |                    |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 552.346.820.484                        | 87.316.366.491             | 360.000.000          | -                  | 640.023.186.975        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                      | -                          | -                    | -                  | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>552.346.820.484</b>                 | <b>87.316.366.491</b>      | <b>360.000.000</b>   | <b>-</b>           | <b>640.023.186.975</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 125.419.837.837                        | 12.443.635.554             | -                    | -                  | 137.863.473.391        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                        |                            |                      |                    | 50.215.153.002         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                        |                            |                      |                    | 87.648.320.389         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                        |                            |                      |                    | 7.446.360.873          |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                        |                            |                      |                    | 25.295.013.722         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                        |                            |                      |                    | 3.695.680.211          |
| Chi phí khác                                                                        |                                        |                            |                      |                    | 1.229.615.467          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                        |                            |                      |                    | 18.560.365.161         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                        |                            |                      |                    | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                        |                            |                      |                    | <b>53.705.367.123</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                                        |                            |                      |                    | <b>43.362.547.696</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   |                                        |                            |                      |                    | <b>93.677.969.922</b>  |
| <b>Năm trước</b>                                                                    |                                        |                            |                      |                    |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 526.489.783.643                        | -                          | 6.617.700.275        | -                  | 533.107.483.918        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                      | -                          | -                    | -                  | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>526.489.783.643</b>                 | <b>-</b>                   | <b>6.617.700.275</b> | <b>-</b>           | <b>533.107.483.918</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 110.062.746.836                        | -                          | 397.620.703          | -                  | 110.460.367.539        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                        |                            |                      |                    | 27.140.589.301         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                        |                            |                      |                    | 83.319.778.238         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                        |                            |                      |                    | 1.958.400.790          |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                        |                            |                      |                    | 10.850.225.028         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                        |                            |                      |                    | 29.485.269.351         |
| Chi phí khác                                                                        |                                        |                            |                      |                    | 20.598.541.969         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                        |                            |                      |                    | 15.459.610.620         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                        |                            |                      |                    | 3.030.657.878          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                        |                            |                      |                    | <b>64.824.412.884</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                                        |                            |                      |                    | <b>244.320.242.191</b> |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   |                                        |                            |                      |                    | <b>72.673.239.738</b>  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước, khu vực ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|                    | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Khu vực trong nước | 127.104.542.561        | 62.759.892.756         |
| Khu vực nước ngoài | 512.918.644.414        | 470.347.591.162        |
| <b>Cộng</b>        | <b>640.023.186.975</b> | <b>533.107.483.918</b> |

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

#### ***Tổng quan***

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phê duyệt.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### ***Phải thu khách hàng***

Khách hàng của Tập đoàn chủ yếu là khách hàng lâu năm và có mối quan hệ tốt. Chính sách tín dụng của Tập đoàn tối đa là 30 ngày. Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### ***Các khoản cho vay***

Tập đoàn cho vay tiền có đảm bảo nên nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Chưa quá hạn<br>hay chưa bị giảm<br>giá | Chưa quá hạn<br>nhưng bị giảm<br>giá | Đã quá hạn<br>nhưng không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị giảm<br>giá | Cộng                   |
|------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                 |                                         |                                      |                                       |                                      |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 105.675.590.619                         | -                                    | -                                     | -                                    | 105.675.590.619        |
| Phải thu khách hàng                | 32.660.569.444                          | -                                    | 1.148.713.611                         | -                                    | 33.809.283.055         |
| Các khoản cho vay                  | 6.400.000.000                           | -                                    | -                                     | -                                    | 6.400.000.000          |
| Các khoản phải thu khác            | 44.150.595.832                          | -                                    | -                                     | 3.278.704.978                        | 47.429.300.810         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 3.445.000.000                           | 7.429.000.000                        | -                                     | -                                    | 10.874.000.000         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>192.331.755.895</b>                  | <b>7.429.000.000</b>                 | <b>1.148.713.611</b>                  | <b>3.278.704.978</b>                 | <b>204.188.174.484</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                  |                                         |                                      |                                       |                                      |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.225.452.748                          | -                                    | -                                     | -                                    | 42.225.452.748         |
| Phải thu khách hàng                | 32.276.401.583                          | -                                    | 3.790.604.180                         | -                                    | 36.067.005.763         |
| Các khoản cho vay                  | -                                       | -                                    | -                                     | -                                    | -                      |
| Các khoản phải thu khác            | 5.625.031.470                           | -                                    | -                                     | 3.065.333.335                        | 8.690.364.805          |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 7.516.471.200                           | 5.000.000.000                        | -                                     | -                                    | 12.516.471.200         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>87.643.357.001</b>                   | <b>5.000.000.000</b>                 | <b>3.790.604.180</b>                  | <b>3.065.333.335</b>                 | <b>99.499.294.516</b>  |

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 01 năm<br>trở xuống | Trên 01 năm<br>đến 05 năm | Trên 05 năm           | Cộng                   |
|-------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                        |                           |                       |                        |
| Vay và nợ               | 81.694.870.930         | 236.526.541.977           | -                     | 318.221.412.907        |
| Phải trả người bán      | 30.623.010.227         | -                         | -                     | 30.623.010.227         |
| Các khoản phải trả khác | 47.899.547.214         | -                         | -                     | 47.899.547.214         |
| <b>Cộng</b>             | <b>160.217.428.371</b> | <b>236.526.541.977</b>    | <b>-</b>              | <b>396.743.970.348</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                        |                           |                       |                        |
| Vay và nợ               | 49.279.874.473         | 197.372.536.063           | 35.113.999.964        | 281.766.410.500        |
| Phải trả người bán      | 33.963.784.457         | -                         | -                     | 33.963.784.457         |
| Các khoản phải trả khác | 3.550.450.159          | -                         | -                     | 3.550.450.159          |
| <b>Cộng</b>             | <b>86.794.109.089</b>  | <b>197.372.536.063</b>    | <b>35.113.999.964</b> | <b>319.280.645.116</b> |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và cung cấp dịch vụ xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và SGD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

|                                          | Số cuối năm           |                     | Số đầu năm             |                     |
|------------------------------------------|-----------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
|                                          | USD                   | SGD                 | USD                    | SGD                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 422.376,29            | -                   | 450,649.63             | -                   |
| Phải thu khách hàng                      | 1.381.531,50          | -                   | 912,164.21             | -                   |
| Vay và nợ                                | (11.378.677,61)       | -                   | (13,536,700.00)        | -                   |
| Phải trả người bán                       | (340.760,29)          | (102.397,93)        | (611,377.92)           | (116,610.67)        |
| <b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b> | <b>(9.915.530,11)</b> | <b>(102.397,93)</b> | <b>(12,785,264.08)</b> | <b>(116,610.67)</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.097.809.917 VND (năm trước giảm/tăng 4.842.888.180 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

|                                    | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                    | VND                   | USD                    | VND                   | USD                    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 78.397.746.400        | -                      | 26.100.000.000        | -                      |
| Vay và nợ                          | (4.345.000.000)       | (11,378,677.61)        | -                     | (13,536,700.00)        |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần        | <b>74.052.746.400</b> | <b>(11,378,677.61)</b> | <b>26.100.000.000</b> | <b>(13,536,700.00)</b> |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

|                                    | Giá trị ghi sổ         |                        |                       |                        | Giá trị hợp lý         |                       |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm            |                        | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|                                    | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |                        |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 105.675.590.619        | -                      | 42.225.452.748        | -                      | 105.675.590.619        | 42.225.452.748        |
| Phải thu khách hàng                | 33.809.283.055         | (574.356.806)          | 36.067.005.763        | -                      | 33.234.926.249         | 36.067.005.763        |
| Các khoản cho vay                  | 6.400.000.000          | -                      | -                     | -                      | 6.400.000.000          | -                     |
| Các khoản phải thu khác            | 47.429.300.810         | (3.214.655.685)        | 8.690.364.805         | (3.065.333.335)        | 44.214.645.125         | 5.625.031.470         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 10.874.000.000         | (4.997.820.045)        | 12.516.471.200        | (3.650.000.000)        | 5.876.179.955          | 8.866.471.200         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>204.188.174.484</b> | <b>(8.786.832.536)</b> | <b>99.499.294.516</b> | <b>(6.715.333.335)</b> | <b>195.401.341.948</b> | <b>92.783.961.181</b> |

### Nợ phải trả tài chính

|                         | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|                         |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ               | 317.207.524.019        | 281.766.410.500        | 317.207.524.019        | 281.766.410.500        |
| Phải trả người bán      | 30.623.010.227         | 33.963.784.457         | 30.623.010.227         | 33.963.784.457         |
| Các khoản phải trả khác | 48.913.436.102         | 3.550.450.159          | 48.913.436.102         | 3.550.450.159          |
| <b>Cộng</b>             | <b>396.743.970.348</b> | <b>319.280.645.116</b> | <b>396.743.970.348</b> | <b>319.280.645.116</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là vốn đầu tư của Tập đoàn vào các tổ chức kinh tế trừ đi dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng

Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                                                                                | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Cổ phiếu quỹ           | Chênh lệch tỷ giá<br>hối đoái | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ dự phòng<br>tài chính | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa<br>phân phối | Cộng                   |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước                                                            | 253.779.820.000              | 254.725.820.000         | -                      | 314.828.404                   | 12.628.400.428           | 21.268.998.679            | 44.395.878.034                          | 587.113.745.545        |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối<br>đoái đầu năm                                | -                            | -                       | -                      | (314.828.404)                 | -                        | -                         | -                                       | (314.828.404)          |
| Lợi nhuận trong năm                                                            | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | 64.824.412.884                          | 64.824.412.884         |
| Trích lập các quỹ trong năm                                                    | -                            | -                       | -                      | -                             | 2.786.621.963            | 1.671.973.178             | (8.359.865.888)                         | (3.901.270.747)        |
| Chia cổ tức trong năm                                                          | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | (63.444.955.000)                        | (63.444.955.000)       |
| Trích thù lao Hội đồng quản trị và<br>Ban kiểm soát                            | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | (2.670.000.000)                         | (2.670.000.000)        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                                                    | <b>253.779.820.000</b>       | <b>254.725.820.000</b>  | <b>-</b>               | <b>-</b>                      | <b>15.415.022.391</b>    | <b>22.940.971.857</b>     | <b>34.745.470.030</b>                   | <b>581.607.104.278</b> |
| Số dư đầu năm nay                                                              | 253.779.820.000              | 254.725.820.000         | -                      | -                             | 15.415.022.391           | 22.940.971.857            | 34.745.470.030                          | 581.607.104.278        |
| Lợi nhuận trong năm                                                            | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | 53.435.303.037                          | 53.435.303.037         |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                                           | -                            | -                       | (3.568.600.000)        | -                             | -                        | -                         | -                                       | (3.568.600.000)        |
| Trích lập các quỹ trong năm                                                    | -                            | -                       | -                      | -                             | 2.693.283.644            | 1.615.970.187             | (8.079.850.933)                         | (3.770.597.102)        |
| Chia cổ tức trong năm                                                          | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | (22.808.683.800)                        | (22.808.683.800)       |
| Trích thù lao Hội đồng quản trị và<br>Ban kiểm soát và thưởng Ban điều<br>hành | -                            | -                       | -                      | -                             | -                        | -                         | (3.360.000.000)                         | (3.360.000.000)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                                                      | <b>253.779.820.000</b>       | <b>254.725.820.000</b>  | <b>(3.568.600.000)</b> | <b>-</b>                      | <b>18.108.306.035</b>    | <b>24.556.942.044</b>     | <b>53.932.238.334</b>                   | <b>601.534.526.413</b> |



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

